

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HOÀ
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-6-2023.
V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HOÀ, TỈNH KHÁNH HÒA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Khải

Bà Lê Thị Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vy Thị Hoài Nụ - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Mỹ Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 283/2023/TLST-HNGĐ ngày 19/4/2023 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/6/2023 giữa:

* **Nguyên đơn:** Ông Võ Văn A, sinh năm: 1973

Trú tại: Thôn T, xã P, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà. Có mặt.

* **Bị đơn:** Bà Phạm Thị Minh B, sinh năm: 1972

Trú tại: Thôn T, xã P, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Võ Văn A trình bày:** Ông và bà Phạm Thị Minh B đăng ký kết hôn năm 1993 tại UBND xã P, thị xã Ninh Hoà. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm. Ông A và bà B đã không còn sống chung 5 năm, tình cảm không còn, vì vậy ông A đề nghị Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà B.

- Về con chung: Ông bà có ba con chung là các cháu Võ Văn C1, sinh năm 1992; Võ Văn C2, sinh năm 1996 và Võ Thị C3, sinh năm 1998. Các cháu đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

* **Theo biên bản lấy lời khai, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị Minh B trình bày:** Bà và ông Võ Văn A là vợ chồng, đăng ký kết hôn năm 1993 tại UBND xã P. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, tuy nhiên khoảng 5

năm trở lại đây phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông A có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và bỏ đi, khi về nhà có đánh đập bà. Năm 2021 do mâu thuẫn quá trầm trọng, bà có nộp đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hoà giải quyết cho bà được ly hôn ông A nhưng sau đó bà đã rút đơn. Đến nay mặc dù tình cảm vợ chồng giữa ông bà không còn nhưng vì tuổi đã lớn nên bà không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên nếu ông A đồng ý để lại toàn bộ tài sản cho con thì bà sẽ đồng ý ký vào giấy tờ để ly hôn.

- Về con chung: Ông bà có ba con chung là các cháu Võ Văn C1, sinh năm 1992; Võ Văn C2, sinh năm 1996 và Võ Thị C3, sinh năm 1998. Các cháu đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận tình cảm không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Võ Văn A cho ông A được ly hôn với bà B.

+ Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Ông A, bà B không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Ông A phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về quan hệ hôn nhân gia đình về ly hôn vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm.

- Bị đơn hiện đang cư trú tại thôn T, xã P, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Qua lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Võ Văn A và bà Phạm Thị Minh B tự

nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 10/3/1993 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông A và bà B đều thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng ông bà có xảy ra nhiều mâu thuẫn, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau và đã không còn sống chung 5 năm. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Hơn nữa bà B cũng trình bày trước đây bà đã có lần nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông A và việc bà trình bày nếu ông A đồng ý tặng cho các con toàn bộ tài sản thì bà mới đồng ý ký giấy tờ để ly hôn, Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định việc bà B không đồng ý ly hôn không phải vì việc bà còn tình cảm với ông A, mối quan hệ vợ chồng giữa ông A, bà B đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, việc Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà B trình bày việc ông A có quan hệ với người phụ nữ khác và có đánh đập bà nhưng bà không có chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.2. Về con chung: Ông Võ Văn A và bà Phạm Thị Minh B có ba con chung là các cháu Võ Văn C1, sinh năm 1992; Võ Văn C2, sinh năm 1996 và Võ Thị C3, sinh năm 1998. Các cháu đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xét.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông A, bà B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Ông A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

[5] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn A.

- Về hôn nhân: Ông Võ Văn A được ly hôn bà Phạm Thị Minh B.

- Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Võ Văn A và bà Phạm Thị Minh B không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí: Ông Võ Văn A phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000886 ngày 18/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Ông Võ Văn A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã P;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thanh Huyền